

Bản án số: 01/2020/HNGĐ- PT

Ngày 24/9/2020

V/v “Không công nhận vợ chồng,
Yêu cầu chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật;

Các Thẩm phán: Ông Đinh Viết Nam;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc “Không công nhận vợ chồng, yêu cầu chia tài sản chung”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐ-PT ngày 26/8/2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 122/2020/TB-TA ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Phước Ch, sinh năm: 1961; trú tại: Khóm I, thị trấn B, huyện V, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1965; trú tại: Khóm I, thị trấn B, huyện V, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) Việt Nam: Ông Nguyễn Gia N, Phó giám đốc - Agribank Chi nhánh huyện V, Quảng Trị; địa chỉ: Đường H, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ/NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam và văn bản ủy quyền số

115/QĐ/NHNoVL-TH ngày 7/5/2020 của Giám đốc Chi nhánh V, Quảng Trị), vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm: 1967, ông Lê Hồng L, sinh năm: 1964; đều trú tại: Khóm 5, thị trấn B, huyện V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị B, sinh năm: 1942; trú tại Khóm 5, thị trấn B, huyện V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hồng L và bà Trần Thị B: Bà Nguyễn Thị Hải Y; trú tại: Khóm 5, thị trấn B, huyện V, tỉnh Quảng Trị làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền đều lập ngày 08/11/2019 tại UBND TT B, huyện V), vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Phước Ch trình bày:

Ông Lê Phước Ch và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn, đến tháng 02/2015 thì ông Ch sang Lào làm ăn cho tới nay. Trong quá trình chung sống, ông bà có hai người con chung là Lê Phước Th, sinh năm 1988 và Lê Vũ Ph, sinh năm 1991. Cả hai cháu đều đã chết do tai nạn năm 2011 và năm 2012. Buồn vì hoàn cảnh gia đình nên ông Ch đi sang Lào làm ăn từ 2015 đến nay, vì tình cảm gắn bó giữa hai người không còn nên ông không quay trở về chung sống với bà L. Nay ông Ch đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng; đồng thời đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung trong quá trình chung sống với bà L, bao gồm các tài sản sau:

- 01 ngôi nhà chính và công trình phụ tọa lạc trên diện tích đất 1.700m² (trong đó có 200m² đất ở tại đô thị, còn lại là đất trồng cây lâu năm sử dụng đến tháng 5/2061, thửa số 33, tờ bản đồ số 07 tại khóm I, thị trấn B, huyện V, theo giấy CNQSD đất BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011 có tổng trị giá khoảng 1.400.000.000đ.

- Diện tích 6.704m² đất trồng cây lâu năm theo giấy CNQSD đất BC 430321, thửa số 87, tờ bản đồ số 7, thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2061 do UBND huyện V cấp ngày 19/10/2011 và cây trên đất có trị giá: 360.000.000đ;

- 01 xe tải độ (xe Uran) 03 cầu đóng năm 2013 (Xe không có giấy tờ đăng ký), hiện ông Ch đang quản lý, sử dụng trị giá hiện tại 120.000.000đ;

- 01 bộ bàn ghế sa long gỗ hương Lào, sử dụng năm 2005 trị giá: 55.000.000đ

- 01 tủ thờ gỗ chua khét, sử dụng năm 2004 trị giá: 10.000.000đ;

- 02 lọ bình gỗ chua khét, sử dụng năm 2004 trị giá 8.000.000đ;

- 01 tủ ba buồng gỗ dổi, sử dụng năm 2012 trị giá: 15.000.000đ và một số tài sản khác: Giường ngủ, tủ lạnh, máy lọc nước, máy giặt;

- 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, BKS 74L1-023.59 mang tên Lê Phước Ch, mua năm 2011, hiện ông đang quản lý, sử dụng trị giá: 10.000.000đ;

- 01 xe máy nhãn hiệu Hon da, BKS 74L1-021.68 mua năm 2011, mang tên Lê Vũ Ph là con ông Ch và bà L (đã chết), hiện bà L đang quản lý, sử dụng có trị giá 20.000.000đ;

Vườn cao su 3.000 cây, trồng trên 5.5 ha đất do Nông trường Quyết Thắng cấp theo dự án 327 năm 1996 tại thôn 4 Thị trấn B có trị giá 1,25 tỷ đồng, giấy tờ đất hiện bà L cất giữ.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Linh theo 03 Khế ước vay, hiện dư nợ gốc là 8.750.000đ và lãi phát sinh là 40.325.625 đ (lãi tạm tính đến ngày 13/3/2020).

Tại văn bản ngày 08/10/2019, 22/10/2019, 08/11/2019, 21/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ tình cảm và con chung: Bà L thừa nhận như trình bày của ông Lê Phước Ch là đúng. Bà L và ông Lê Phước Ch tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 7/1988, đã có hai con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Liên tiếp trong hai năm 2011, năm 2012 thì các cháu đi làm ăn đều gặp tai nạn và qua đời. Quá buồn vì hoàn cảnh gia đình, nên ông Ch bàn với bà sang Lào làm ăn có tiền sửa lại hướng nhà cho bình yên. Để chuẩn bị cho ông Ch đi Lào, bà L đã cùng ông vay mượn mua sắm 01 xe tải độ ba cầu và phụ kiện kèm theo trị giá khoảng một tỷ đồng giao cho ông Ch sang Lào làm nghề khai thác gỗ thuê. Đến tháng 4/2015 ông Ch đi làm ăn cho đến nay, ông không trở về và không có lợi nhuận gì. Nay, ông Ch đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng thì bà L cũng đồng ý.

Về tài sản và nợ chung: Bà L thừa nhận trong thời gian chung sống với nhau, bà và ông Ch có xây dựng được khối tài sản và nợ chung như ông Ch trình bày là đúng. Nhưng để có được tài sản đó thì bà L và ông Ch đã vay mượn của bà Trần Thị B (mẹ đẻ): 04 cây vàng 9999 và 100.000.000đ từ ngày 01/4/2009 và vợ chồng ông Lê Hồng L và bà Nguyễn Thị Hải Y (em gái bà L): 01 cây vàng 9999 và 1.060.000.000đ tiền mặt đều vào năm 2011, đề nghị ông Ch phải có nghĩa vụ trả ½ các khoản vay này. Riêng vườn cao su 3000 cây trên đất 327 của Nông trường Quyết Thắng bà không thừa nhận bà có giữ giấy tờ gì liên quan đến ông Ch. Trị giá chiếc xe tải độ Uran ba cầu và phụ kiện kèm theo khi bà giao cho ông Ch đưa đi làm ăn có giá trên một tỷ, nay ông Ch khai giá trị còn lại chỉ 120.000.000 đồng bà thừa nhận vì xe “độ” mặc dù bỏ tiền ra lớn nhưng không có giấy tờ nay giá trị giảm sút bà đành chấp nhận.

Đối với ngôi nhà gồm có: Nhà chính, nhà bếp, công trình phụ, mái che được xây dựng năm 2001 tọa lạc trên diện tích đất 1.700m² tại khóm I (khóm Khe Cáy cũ), thị trấn B, huyện V theo giấy CNQSD đất BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011. Từ cuối năm 2015 đến năm 2017, do nhà xuống cấp nên bà đã vay mượn đầu tư sửa chữa (xoay hướng nhà), nâng cấp lát gạch nền, đóng trần xây dựng thêm phòng khách, sửa toàn bộ mái che, tường rào ...với tổng số tiền đầu tư hơn

500.000.000đ. Ngoài ra, bà còn phải trả khoản nợ chung với ông Ch vay Quỹ tín dụng Bến Quan tháng 02/2015 là 100.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh.

Đối với diện tích 6.704m² đất trồng cây lâu năm theo giấy CNQSD đất BC 430321 của ông bà được cấp ngày 19/10/2011, trước đây ông bà trồng cây cao su và trầm gió nhưng sau khi ông Ch đi làm ăn, bà ở nhà đã thuê mướn người chăm sóc, đến năm 2017 mưa bão đã làm gãy đổ cây cao su, bà đã thuê người cưa dọn, chống lại cây và giao cho vợ chồng ông L, bà Y chăm sóc và trồng xen trầm được 3 năm tuổi.

Bà L yêu cầu Tòa án khi chia cần xem xét đến công sức đóng góp của bà, trong việc duy trì, phát triển các tài sản chung còn lại của bà với ông Ch trong thời gian từ năm 2015 đến nay trong khoảng 300 đến 400 triệu đồng mới đảm bảo quyền lợi.

Về nợ chung: Bà L thừa nhận còn khoản nợ vay ở Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Vĩnh Linh như ông Ch trình bày, do ông Ch đi 05 năm nay không về trả nợ.

Tháng 02/2015, để chuẩn bị cho ông Ch sang Lào làm ăn, ông Ch và bà đã thế chấp mảnh đất trồng cây lâu năm diện tích 6.704m² có cây cao su nói trên để vay Quỹ tín dụng Bến Quan số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm lãi suất 0,95%/tháng. Đến hạn, ông Ch không về cũng không gửi tiền về trả nên bà đã vay mượn thêm để trả cả gốc và lãi cho khoản nợ trên. Nay, bà L yêu cầu ông Ch cũng phải có trách nhiệm chia món nợ bà đã trả cho Quỹ tín dụng Bến Quan với cả khoản gốc và lãi là 109.500.000 đồng và khoản lãi phát sinh trên số tiền bà phải vay để trả nợ Quỹ tín dụng từ tháng 02/2016 đến nay.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị B trình bày:

Năm 2001, vợ chồng bà L, ông Ch mượn 04 cây vàng để làm nhà. Năm 2009, mượn tiếp 100.000.000 đồng để đóng xe đi khai thác gỗ với lãi suất 1%/tháng đến nay chưa trả nhưng vì con cái nên không làm giấy tờ, bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông Ch phải trả lại cho bà để sinh sống.

Bà Nguyễn Thị Hải Y, ông Lê Hồng L trình bày: Năm 2011, có cho vợ chồng bà L, ông Ch vay 1 cây vàng trị giá 42.000.000đ để mua xe máy; 1.060.000.000 đồng để mua hai thửa đất hiện đang tranh chấp và yêu cầu vợ chồng bà L, ông Ch phải trả lại.

Việc vợ chồng bà canh tác trên mảnh đất trồng cây lâu năm của ông Ch, bà L là do năm 2017, bão làm gãy đổ cây cao su, chúng tôi đã giúp cưa dọn nên bà L giao cho vợ chồng tôi chăm sóc, chúng tôi đã trồng xen trầm trên phần diện tích cây cao su bị gãy đổ là đúng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Ngày 11/10/1996, bà L và ông Ch đã ký khế ước số 32/KU vay gốc là 2.250.000 đ, lãi suất 1,5/ tháng, thời hạn vay là 60 tháng. Cùng ngày 11/10/1996, bà L, ông Ch ký khế ước vay số 32/KU vay với số tiền 1.500.000đ, lãi suất 1,5/ tháng, thời hạn vay là 60 tháng. Ngày 10/4/1998, bà L và ông Ch đã ký khế ước số 32/KU vay số tiền gốc là 5.000.000đ, lãi suất 1,25%/ tháng, thời hạn vay là 60 tháng. Để bảo đảm cho các khế ước vay, ngày 25/02/2013,

ông Ch, bà L đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 32/HĐTC, tài sản thế chấp gồm nhà, công trình phụ và diện tích đất 1.700m² (trong đó có 200m² đất ở tại đô thị, còn lại là đất trồng cây lâu năm sử dụng đến tháng 5/2061), thửa số 33, tờ bản đồ số 7 tại khóm I, thị trấn B, huyện V theo giấy CNQSD đất BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011. Tuy nhiên, đến hạn bà L và ông Ch không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được gia hạn. Nay, dư nợ gốc của bà L và ông Ch tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Linh số tiền gốc là 8.750.000đ và lãi phát sinh tính đến ngày 20/5/2020 là 40.725.625đ. Đề nghị Tòa án tuyên buộc bà L, ông Ch phải trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng các khế vay trên với tổng số tiền 49.475.625 đồng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã áp dụng các Điều 28; 147; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 218, 219 BLDS; Khoản 1, Điều 9; Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Phước Ch và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về tài sản và nợ chung:

Giao cho bà L ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền tọa lạc trên diện tích đất 1.700m², trong đó có 200m² đất ở tại đô thị, còn lại là đất trồng cây lâu năm sử dụng đến tháng 5/2061, thửa số 33, tờ bản đồ số 7 tại khóm I, thị trấn B, huyện V theo giấy CNQSD đất BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011 có tổng trị giá 1.206.000.000đ; 01 xe máy BKS 74L1-021.68 trị giá 20.000.000đ; 01 bộ bàn ghế trị giá: 17.000.000đ; 01 tủ thờ gỗ trị giá: 7.000.000đ; 01 tủ ba buồng trị giá: 2.000.000đ; bà L phải trả cho ông L, bà Y 7.500.000đ trị giá của 500 cây tràm 03 năm tuổi; bà L được khấu trừ khoản nợ bà đã trả cho Quỹ Tín dụng Bến Quan 109.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Linh theo các khế ước số 32/KU' Ngày 11/10/1996, khế ước vay số 32/KU' cùng ngày 11/10/1996 và khế ước số 32/KU' ngày 10/4/1998 gốc và lãi là 49.475.625 đồng, (trong đó gốc là 8.750.000đ, lãi 40.725.625đ tính đến ngày 20/5/2020).

Bà L phải trả cho ông Ch số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng tài sản bà L được chia là 1.252.000.000đ; bà L phải trả các khoản nợ là 166.475.625đ; bà L phải trả tiền chênh lệch cho ông Ch khi phân chia tài sản là 250.000.000đ. Như vậy, tổng giá trị tài sản bà L được hưởng là: 835.524.625đ (1.252.000.000đ – (166.475.625 + 250.000.000đ)).

Giao cho ông Lê Phước Ch các tài sản gồm: 6.704m² đất trồng cây lâu năm theo giấy CNQSD đất BC 430321, thửa số 87, tờ bản đồ số 7 tại Khóm I (Khóm Khe Cáy cũ), thị trấn B, huyện V, thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2061, do UBND huyện V

cấp ngày 19/10/2011 và cây trên đất gồm: 200 cây cao su đã khai thác, 50 cây tràm gió loại 10 năm tuổi và 500 cây tràm loại 03 năm tuổi, có tổng trị giá: 167.500.000đ; 01 xe tải độ (xe Uran) 03 cầu đông năm 2013 (Xe không có giấy tờ đăng ký) trị giá còn lại: 120.000.000đ; 02 lộc bình gỗ chua khét trị giá 10.000.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, BKS 74L1-023.59 trị giá: 7.000.000đ và được nhận ở bà L 250.000.000 đồng chênh lệch giá trị tài sản. Tổng giá trị tài sản ông Ch được hưởng là: 554.500.000 đồng

3. Về án phí: Ông Lê Phước Ch phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chịu 26.180.000 án phí DSST có giá ngạch và chịu 1.237.000đ án phí DSST đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, tổng cộng là 27.717.000 (hai mươi bảy triệu bảy trăm mười bảy nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 49.010.000 đồng (bốn mươi chín triệu không trăm mười nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0000055 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả cho ông Lê Phước Ch 21.293.000 (hai mươi một triệu hai trăm chín mươi ba nghìn) đồng tạm ứng án phí.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 37.066.000 đồng án phí DSST và 1.237.000đ án phí DSST đối với yêu cầu của Ngân hàng, tổng cộng là 38.303.000 (ba mươi tám triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lê Hồng L phải chịu 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí DSST.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, phân chia tài sản chung chưa thỏa đáng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L. Cụ thể: Ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 1.700 m² theo GCNQSD đất số BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011 đã cấp chồng lên 1.300 m² đất của bà Nguyễn Thị Hải Y (bà Y là em ruột của bà L), hiện đang giải quyết tranh chấp, nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn đưa ra để chia; Đồng thời, ngôi nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 2000, trong thời gian ông Ch đi qua Lào làm ăn, do ngôi nhà đã xuống cấp nên bà L đã bỏ tiền ra để tôn tạo, sửa chữa lại, nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L chỉ kháng cáo về việc: lý do ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 1.700 m² theo GCNQSD đất số BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011 đã cấp chồng lên 1.300 m² đất của bà Nguyễn Thị Hải Y (bà Y là em ruột của bà L), hiện đang giải quyết tranh chấp, nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn đưa ra để chia.

Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tạm dừng việc phân chia tài sản đối với ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 1.700 m² theo GCNQSD đất số BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011, để chờ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết vụ án hành chính do bà Y khởi kiện UBND huyện V, đề nghị hủy Giấy CNQSD đất đối với thửa đất có diện tích đất 1.700 m² theo GCNQSD đất số BC 430768.

Ông Ch có ý kiến: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà L, vì đất đó ông Ch, bà L đã sử dụng từ năm 2001, được cấp GCNQSD đất năm 2011, đã làm nhà ở ổn định lâu dài, không có tranh chấp, có giấy tờ, nguồn gốc đầy đủ. Bà Y là em ruột của bà L, bà L bảo em mình khởi kiện vụ án hành chính nhằm kéo dài sự phân chia tài sản. Điều đó là không có cơ sở.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Thẩm phán cấp phúc thẩm thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí DSST đối với khoản án phí 375.000đ. Khoản án phí này bà L, ông Ch phải chịu chứ không phải bà Y, ông L phải chịu.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp chia tài sản chung” và xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo và việc kháng cáo trong thời hạn luật định, theo quy định tại Điều 271, 273 BLTTDS nên được thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phân chia lại tài sản chung giữa nguyên đơn ông Lê Phước Ch với bà Nguyễn Thị L theo đúng quy định của pháp luật và đề nghị tách phần tài sản là ngôi nhà trên diện tích đất 1.700m², trong đó có 200m² đất ở tại đô thị, còn lại là đất trồng cây lâu năm sử dụng đến tháng 5/2061, thửa số 33, tờ bản đồ số 7 tại khóm I (Khóm Khe Cáy cũ), thị trấn B, huyện V theo giấy CNQSD đất BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011 vì liên quan đến vụ án hành chính do bà Y khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất đối với lô đất nói trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án đã xác định được khối tài sản chung và nợ chung phát sinh trong thời gian sống chung với nhau giữa ông Lê Phước Ch và bà Nguyễn Thị L gồm có:

- 01 ngôi nhà chính, nhà bếp, công trình phụ, mái che tọa lạc trên diện tích đất 1.700m² tại Khóm I (Khóm Khe Cáy cũ), thị trấn B, huyện V theo giấy CNQSD đất BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011;

- 6.704m² đất trồng cây lâu năm theo giấy CNQSD đất BC 430321, do UBND huyện V cấp ngày 19/10/2011 và cây trên đất gồm: 200 cây cao su đã khai thác, 50 cây trầm gió loại 10 năm tuổi và 500 cây trầm loại 03 năm tuổi;

- 01 xe tải độ (xe Uran) 03 cầu đóng năm 2013 (Xe không có giấy tờ đăng ký), hiện ông Ch đang quản lý, sử dụng trị giá còn 120.000.000 đồng;

- 01 bộ bàn ghế hương Lào, sử dụng năm 2005 trị giá: 17.000.000 đồng;

- 01 tủ thờ gỗ chua khét, sử dụng năm 2004 trị giá: 7.000.000 đồng;

- 02 lọ bình gỗ chua khét, sử dụng năm 2004 trị giá 5.000.000 đồng/chiếc

- 01 tủ ba buồng gỗ dổi, sử dụng năm 2012 trị giá: 2.000.000 đồng;

- 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, BKS 74L1-023.59 mang tên Lê Phước Ch, mua năm 2011, hiện ông Ch đang quản lý, sử dụng trị giá: 7.000.000 đồng;

- 01 xe máy nhãn hiệu honda, BKS 74L1-021.68 mua năm 2011, mang tên Lê Vũ Phương là con ông và bà L (đã chết), hiện bà L đang quản lý, sử dụng có trị giá 20.000.000 đồng;

* Về nợ chung: Ông Ch, bà L xác nhận có các khoản nợ chung sau:

+ Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: 49.475.625 đồng gốc và lãi lũy, trong đó gốc là 8.750.000 đồng, lãi 40.725.625 đồng (lãi tính đến ngày 20/5/2020);

+ Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Bến Quan 100.000.000 đồng gốc, lãi suất 0,95%/tháng, thời gian vay là 12 tháng lãi phát sinh là 9.500.000 đồng lãi, cả gốc và lãi là 109.500.000 đồng (HĐ số 100/15/HĐTD ngày 27/02/2015). Bà L đã tự mình thanh lý hợp đồng vào ngày 27/02/2016 với số tiền là 109.500.000 đồng.

Xem xét yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của ông Ch và bà L; HĐXX thấy: Sau khi các con của ông Ch, bà L mất một thời gian, thì ông Ch đã sang Lào làm ăn và không trở về chung sống với bà L từ năm 2015 cho đến nay. Còn bà Nguyễn Thị L ở nhà làm ăn, sinh sống nhằm tạo dựng, duy trì, bảo quản, đầu tư để phát triển khối tài sản chung và lo hương khói cho các con. Vì vậy, khi giải quyết phân chia tài sản chung cần xem xét đến công sức đóng góp, tạo dựng và duy trì khối tài sản chung cho bà L nhiều hơn so với ông Ch là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần giao cho bà Nguyễn Thị L sở hữu và sử dụng ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền với diện tích đất 1.700 m² tại Khóm I, thị trấn B, huyện V theo giấy CNQSD đất số BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011 có trị giá 1.206.000.000đ; 01 bộ bàn ghế sa long trị giá 17.000.000đ, 01 tủ thờ trị giá 7.000.000đ, 01 tủ ba buồng bằng gỗ trị giá 2.000.000đ và 01 xe máy BKS 74L1-021.68 mang tên Lê Vũ Ph là con chung của ông bà (đã chết) trị giá 20.000.000đ. Tổng giá trị tài sản bà L được hưởng là 1.252.000.000 đồng.

Đồng thời, bà L phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ vay 49.475.625 đ gốc và lãi cho ngân hàng (lãi tính đến ngày 20/5/2020); được trừ đi khoản nợ bà đã trả cho Quỹ Tín dụng Bến Quan 109.500.000 đồng; trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lê Hồng L 7.500.000 đồng trị giá của 500 cây tràm 3 năm tuổi; bà L phải trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho ông Ch số tiền 250.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản còn lại bà L được hưởng là 835.524.000 đồng.

Giao cho cho ông Lê Phước Ch các tài sản gồm: 6.704m² đất trồng cây lâu năm theo giấy CNQSD đất BC 430321, thửa số 87, tờ bản đồ số 7 tại Khóm I, thị trấn B, huyện V, thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2061 do UBND huyện V cấp ngày 19/10/2011 và cây trên đất gồm: 200 cây cao su đã khai thác, 50 cây tràm gió loại 10 năm tuổi và 500 cây tràm loại 03 năm tuổi, trị giá 167.500.000đ; 01 xe tải độ (xe Uran) 03 cầu đóng năm 2013 (Xe không có giấy tờ đăng ký) trị giá 120.000.000đ; 02 lộc bình gỗ chua khét trị giá 10.000.000đ, 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, BKS 74L1-023.59 trị giá 7.000.000đ và được nhận ở bà L 250.000.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản; Tổng cộng giá trị tài sản ông Ch được hưởng là 554.500.000 đồng. Như vậy, bà L được hưởng phần tài sản nhiều hơn ông Ch là 281.024.000đ, điều này thể hiện cấp sơ thẩm đã xem xét công sức đóng góp của bà L lớn hơn ông Ch trong thời gian ông Ch đi làm ăn xa. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia tài sản chung của ông Lê Phước Ch và bà Nguyễn Thị L là hoàn toàn hợp lý và có căn cứ.

Theo hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST-HC ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, thì bà Nguyễn Thị Hải Y có làm đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện V yêu cầu Tòa án Hủy bỏ một phần Giấy CNQSD đất số BC 430768 ngày 06/5/2011 của UBND huyện V cấp cho ông Lê Phước Ch và bà Nguyễn Thị L đối với phần diện tích đất cấp chồng lên phần diện tích của bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lê Hồng L là 1.300 m². Tuy nhiên, ngày 20/5/2020 Tòa án nhân dân huyện V đã xét xử xong vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về “không công nhận vợ chồng, yêu cầu chia tài sản chung”; bản án sơ thẩm bị kháng cáo, ngày 13/7/2020 Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý vụ án số 03/2020/TLPT-HNGĐ. Do đó, Đây không phải là lý do để Tòa án tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án hoặc tách phần tài sản có liên quan đến vụ án Hôn nhân và gia đình ra để giải quyết sau. Vì đây không phải là một vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất; Khi phân chia tài sản, thì tài sản trên đã có đầy đủ giấy tờ xác lập quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông Ch, bà L. Nếu sau này, vụ án hành chính có làm thay đổi bản chất vụ án thì việc phân chia tài sản sẽ được xem xét lại theo thủ tục tái thẩm theo quy định của BLTTDS. Vì vậy, yêu cầu này của bà L không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và quyết định buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lê Hồng L số tiền 7.500.000 đồng trị giá của 500 cây tràm 3 năm tuổi, nhưng lại tuyên buộc bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lê Hồng L phải chịu 375.000 đồng án phí DSST là không đúng quy định, mà cần phải buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Phước Ch phải chịu án phí đối với việc thực hiện nghĩa vụ này với số tiền 375.000 đồng án phí DSST (cụ thể bà Nguyễn Thị L phải

chịu 187.500 đồng án phí DSST; ông Lê Phước Ch phải chịu 187.500 đồng án phí DSST).

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí vì phần án phí này có liên quan đến việc kháng cáo.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L và sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Áp dụng các Điều 218, Điều 219 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Về tài sản và nợ chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị L được sở hữu ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền với diện tích đất 1.700m² (trong đó có 200m² đất ở tại đô thị, còn lại là đất trồng cây lâu năm sử dụng đến tháng 5/2061, thửa số 33, tờ bản đồ số 7 tại khóm I, thị trấn B, huyện V theo giấy CNQSD đất BC 430768 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2011 có tổng trị giá 1.206.000.000đ, 01 xe máy BKS 74L1-021.68 trị giá 20.000.000đ, 01 bộ bàn ghế trị giá: 17.000.000đ, 01 tủ thờ gỗ trị giá: 7.000.000đ, 01 tủ ba buồng trị giá: 2.000.000đ. Bà L phải giao cho ông L, bà Y 7.500.000đ trị giá của 500 cây trà 03 năm tuổi; bà L được khấu trừ khoản nợ bà đã trả cho Quỹ Tín dụng Bến Quan 109.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Linh theo các khế ước số 32KU' Ngày 11/10/1996, khế ước vay số 32KU' cùng ngày 11/10/1996 và khế ước số 32KU' Ngày 10/4/1998 gốc và lãi là 49.475.625 đồng, (trong đó gốc là 8.750.000đ, lãi 40.725.625đ tính đến ngày 20/5/2020). Bà L phải trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho ông Ch số tiền 250.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản còn lại bà L được hưởng là 835.524.000 đồng.

Giao cho ông Lê Phước Ch được sở hữu các tài sản gồm: 6.704m² đất trồng cây lâu năm theo giấy CNQSD đất BC 430321, thửa số 87, tờ bản đồ số 7 tại Khóm I, thị trấn B, huyện V, thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2061 do UBND huyện V cấp ngày 19/10/2011 và cây trên đất gồm: 200 cây cao su đã khai thác, 50 cây trà gió loại 10 năm tuổi và 500 cây trà loại 03 năm tuổi có tổng trị giá: 167.500.000đ, 01 xe tải độ

(xe Uran) 03 cầu đóng năm 2013 (Xe không có giấy tờ đăng ký) trị giá còn 120.000.000đ, 02 lộc bình gỗ chua khét trị giá 10.000.000đ, 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, BKS 74L1-023.59 trị giá: 7.000.000đ và ông Ch được nhận ở bà L 250.000.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản.

Tổng giá trị tài sản ông Lê Phước Ch được hưởng là: 554.500.000 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20/5/2020) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền gốc phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- *Về án phí DSST:* Ông Lê Phước Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chịu 26.180.000 án phí DSST đối với tài sản được hưởng; chịu 1.237.000đ án phí DSST đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng; chịu 187.500đ đối với phần nghĩa vụ đối với bà Y, ông L; tổng cộng là 27.904.500 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Ch đã nộp là 49.010.000 đồng, theo biên lai thu số 0000055 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả lại cho ông Lê Phước Ch 21.105.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 37.066.000 đồng án phí DSST đối với tài sản được hưởng; chịu 1.237.000đ án phí DSST đối với yêu cầu của Ngân hàng; chịu 187.500đ đối với phần nghĩa vụ đối với bà Y, ông L; tổng cộng là 38.490.500 đồng.

- *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000264 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q. Trị;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ; VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Luật